

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **67/2020/DS-ST**

Ngày: 29/9/2020

V/ tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Tiềm

Bà Lý Thị Bé Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc Vương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2020/TLST- DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà **A**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp B, xã B1, thị xã C2, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Trọ: Bà **A1**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 6/3, đường 868, khu phố C, phường C1, thị xã C2, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông **A2**, sinh năm 1974;

Bà **A3**, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B1, thị xã B2, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà A1, vắng mặt bà A3, ông A2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà A1 trình bày:

Bà A có tham gia chơi 04 dây hụi do vợ chồng ông A2 và bà A3 là chủ hụi.

- Dây hụi 1: Hụi khai ngày 29/11/2018 (AL), bà A tham gia 02 phần, hụi 500.000 đồng, có 23 phần. Đến 02/2019 bà A đóng được 04 lần hụi sống là $2.000.000 \text{ đồng} \times 2 = 4.000.000 \text{ đồng}$. Dây hụi này ông A2, bà A3 còn nợ bà A 4.000.000 đồng.

- Dây hụi 2: Hụi khai ngày 25/12/2017 (AL), bà A tham gia 01 phần, hụi 3.000.000 đồng, có 21 phần. Đến 5/2019 bà A mới hay ông A2 bẻ hụi, bà A đã đóng được 08 lần hụi sống là 24.000.000 đồng. Dây hụi này ông A2, bà A3 còn nợ bà A 24.000.000 đồng.

- Dây hụi 3: Hụi khai ngày 25/11/2017 (AL), bà A tham gia 01 phần, hụi 1.000.000 đồng, có 18 phần. Bà đã hốt chót được số tiền 17.000.000 đồng. Nhưng ông A2 và bà A3 không có giao tiền hốt hụi cho bà A. Dây hụi này ông A2, bà A3 còn thiếu bà A 17.000.000 đồng.

- Dây hụi 4: Hụi khai ngày 15/5/2018 (AL), bà A tham gia 01 phần, hụi 5.000.000 đồng, có 17 phần. Bà A đóng được 03 lần với số tiền là 15.000.000 đồng. Dây hụi này ông A2, A3 còn thiếu bà A 15.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi ông A2 và bà A3 còn nợ bà A là 60.000.000 đồng.

Sau khi bà A đóng hụi sống được vài tháng thì khoảng tháng 7/2019 ông A2, bà A3 tự ý ngưng không khai hụi nữa và tuyên bố vỡ hụi và yêu cầu các hụi viên tổng kết số tiền đã đóng hụi và chuyển thành tiền nợ để ông A2, bà A3 trả cho từng người. Sau khi đối chiếu nợ thì ông A2, bà A3 còn nợ bà A số tiền 60.000.000 đồng. Ông A2, bà A3 đã nhiều lần hứa trả tiền nhưng vẫn không trả.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A2 và bà A3 có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền hụi 60.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước tính từ tháng 7/2019 đến khi thi hành án xong, yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại buổi hòa giải ngày 19/8/2020 bà A1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà A xin rút lại yêu cầu trả lãi suất theo quy định của nhà nước tính từ tháng 7/2019 đến khi thi hành án xong, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn ông A2 và bà A3 trả số tiền nợ hụi là 60.000.000 đồng.

Bị đơn bà A3 và ông A2: đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà A3, ông A2 không đến và vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa. Nhưng ông A2, bà A3 có gửi tờ khai với nội dung “Sau khi xem xét thông báo thụ lý vụ án. Chúng tôi không biết bà A là ai. Chúng tôi cũng không có chơi hụi với ai là bà A. Đặc biệt trong các giấy hụi không có tên nào là bà A”.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà A1 xin rút lại một phần yêu cầu đối với đây hụi 500.000 đồng khui ngày 29/11/2018 (AL) nguyên đơn chỉ yêu cầu ông A2, bà A3 liên đới trả số tiền hụi 2.000.000 đồng và rút lãi yêu cầu trả lãi suất theo quy định của nhà nước tính từ tháng 7/2019 đến khi thi hành án xong. Nguyên đơn bà A chỉ yêu cầu ông A2 và bà A3 liên đới trả số tiền hụi 58.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trơ là có cơ sở để chấp nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Buộc bị đơn ông A2, bà A3 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền nợ hụi 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng). Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà bà A xin rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà A3 và ông A2 vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bà A3, ông A2 tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” và bị đơn bà A3 và ông A2 đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã B1, thị xã B2, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà A1 yêu cầu bà A3 và ông A2 trả cho bà A số tiền hụi 58.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại

phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà A1 xác định phía bà A có tham gia chơi hụi do bà A3 và ông A2 làm đầu thảo. Căn cứ vào các biên bản lấy lời khai người làm chứng là các hụi viên tham gia dây hụi khai ngày 15/5/2018 (AL) bà A4 (trong giấy ghi hụi ghi tên là 4 A4); ông A5 (trong giấy ghi hụi tên là A5); bà Đỗ Thị A6 (trong giấy ghi hụi tên là A6); bà A7 (trong giấy ghi hụi tên là A7) trình bày: Đối với dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 15/5/2018 (AL) có 17 phần thì các hụi viên đều khẳng định là bà A có tham gia chơi 01 phần trong dây hụi này do ông A2, bà A3 làm chủ hụi, dây hụi này thì bà A tham gia trong danh sách hụi với tên gọi là 6 A8, dây hụi này bà A vẫn chưa hết hụi. Ngoài ra, nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà A1 có cung cấp giấy xác nhận về việc bà A có tham gia chơi các dây hụi do ông A2 và bà A3 làm chủ hụi. Nội dung của giấy xác nhận thể hiện như sau:

- Đối với dây hụi khai ngày 29/11/2018 (AL), bà A tham gia 02 phần, hụi 500.000 đồng, có 23 phần. Thì có hụi viên ông A9 (trong giấy hụi ghi tên A9); ông A10 (trong giấy ghi hụi tên là A10); ông A11 (trong giấy ghi hụi tên A11): trình bày các ông có tham gia chơi dây hụi này do ông A2, bà A3 làm chủ hụi, trong dây hụi này bà A tham gia 01 phần và chưa hết.

- Đối với dây hụi khai ngày 25/12/2017 (AL), bà A tham gia 01 phần, hụi 3.000.000 đồng, có 21 phần. Thì có hụi viên ông A12 (trong giấy hụi ghi tên A12), ông A13 (trong giấy hụi ghi tên A13) trình bày ông A12, ông A13 có tham gia chơi dây hụi này do ông A2, bà A3 làm chủ hụi, trong dây hụi này bà A tham gia 01 phần và chưa hết.

- Đối với dây hụi khai ngày 25/11/2017 (AL), bà A tham gia 01 phần, hụi 1.000.000 đồng, có 18 phần. Thì có hụi viên ông A14 (trong giấy hụi ghi tên A14), bà A15 (trong giấy hụi ghi tên A15); bà A16 (trong giấy hụi ghi tên A16); ông A17 (trong giấy ghi hụi ghi tên A17) trình bày ông A14, bà A15, bà A16, ông A17 có tham gia chơi dây hụi này do ông A2, bà A3 làm chủ hụi, trong dây hụi này bà A tham gia 01 phần và chưa hết.

- Đối với dây hụi khai ngày 15/5/2018 (AL), bà A tham gia 01 phần, hụi 5.000.000 đồng, có 17 phần. Thì có hụi viên bà A18 (trong giấy hụi ghi tên A18); bà A19 (trong giấy hụi ghi tên A19); bà A20 (trong giấy ghi hụi ghi tên A20); ông A21 (trong giấy ghi hụi ghi tên A21) trình bày bà 18, bà A19, bà A20, ông A21 có tham gia chơi dây hụi này do ông A2, bà A3 làm chủ hụi, trong dây hụi này bà A tham gia 01 phần và chưa hết.

Khi tham gia chơi hụi thì ông A2, bà A3 chỉ đưa giấy hụi cho các hụi viên chỉ là bản photo, trong giấy hụi ghi tên thường gọi của mỗi người. Việc đóng hụi sống cho ông A2, bà A3 cũng như khi hụi viên hết hụi chỉ giao tiền qua tay, chủ hụi và hụi viên đều không có làm biên nhận với nhau.

[4] Bị đơn ông A2, bà A3 đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thu lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông A2, bà A3 vắng mặt không lý do và có gửi cho Tòa án tờ khai với nội dung “Sau khi

xem xét thông báo thụ lý vụ án. Chúng tôi không biết bà A là ai. Chúng tôi cũng không có chơi hội với ai là bà A. Đặc biệt trong các giấy hội không có tên nào là bà A”. Ngoài ra thì bị đơn A2, bà A3 không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác. Nguyên đơn có nộp đơn xin xác nhận đề ngày 28/7/2020 với nội dung là bà A tên thường gọi là 6 A phù hợp với lời trình bày của các hội viên cùng chơi chung hội với bà A cũng đều xác nhận là trong giấy hội bà A tham gia với tên gọi là A. Nên lời trình bày của bị đơn tại tờ khai là không có cơ sở. Việc ông A2, bà A3 đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác nên xem như ông A2, bà A3 đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên thể hiện nguyên đơn bà A có tham gia các dây hội như đã trình bày, bị đơn ông A2, bà A3 đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội nên yêu cầu của nguyên đơn bà A là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về thời hạn trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà A1 yêu cầu bị đơn ông A2, bà A3 trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông A2, bà A3 vắng mặt. Do nguyên đơn bà A và bị đơn ông A2, bà A3 không thống nhất thời gian trả số tiền 58.000.000 đồng. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền nợ hội là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[6] Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2020 thì nguyên đơn bà A có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A2, bà A3 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hội 4.000.000 đồng đối với dây hội 500.000 đồng, khai ngày 29/11/2018 (AL) và yêu cầu trả lãi suất theo quy định của nhà nước tính từ tháng 7/2019 đến khi thi hành án xong. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa thì nguyên đơn bà A có đại diện theo ủy quyền là bà A1 xin rút lại một phần yêu cầu đối với dây hội 500.000 đồng khai ngày 29/11/2018 (AL) nguyên đơn chỉ yêu cầu ông A2, bà A3 liên đới trả số tiền hội 2.000.000 đồng và rút yêu cầu trả lãi suất theo quy định của nhà nước tính từ tháng 7/2019 đến khi thi hành án xong. Nguyên đơn bà A chỉ yêu cầu ông A2, bà A3 liên đới trả số tiền hội 58.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà A.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Buộc bị đơn ông A2, bà A3 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền nợ hội là 58.000.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa